

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2023
V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi
Ông Nguyễn Duy Chấn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà:** Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45a/2023/QĐST-HN ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T – sinh năm 1997 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn 8, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Trú tại: Thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Lê Sĩ Q – sinh năm 1988 – Vắng mặt.

HKTT: Thôn 8, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Trú tại: Thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Hoàng Thị Tuyết T trình bày: Chị và anh Lê Sĩ Q kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Lê An N, sinh ngày 25/01/2020. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Lê Sĩ Q là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Cả hai gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi; chị đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay xét thấy tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Sĩ Q. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê An N. Về cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Sĩ Q: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q không hợp tác làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thì chị T và anh Q không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên Ban tự quản thôn không nắm được, tuy N thực tế chị T và anh Q sống ly thân, anh Q đi làm công trình điện, thỉnh thoảng mới về.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Cao Hoàng Thị Tuyết T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T được ly hôn với anh Lê Sĩ Q;

Về con chung: Giao cháu Lê An N, sinh ngày 25/01/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Về án phí: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ bao gồm: Bản sao căn cước công dân của chị T và anh Q (Bản sao y chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao y chứng thực); Sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao y chứng thực); Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Trích lục khai sinh. Đây là các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Sĩ Q, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Sĩ Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T và anh Lê Sĩ Q kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau; anh Q đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, sống không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân dân không đạt mục đích. Trong quá trình chung sống, các bên không tìm lại được tiếng nói chung, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Sĩ Q nhưng anh Q không tham gia tố tụng, không đưa ra ý kiến để chứng minh cho yêu cầu của chị T là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Hoàng Thị Tuyết T, xử cho chị T được ly hôn với anh Lê Sĩ Q là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê An N, sinh ngày 25/01/2020. Xét thấy chị T hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An N nên cần tiếp tục giao cháu An N cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí DSST: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cao Hoàng Thị Tuyết T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Hoàng Thị Tuyết T được ly hôn với anh Lê Sĩ Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê An N, sinh ngày 25/01/2020 cho chị Cao Hoàng Thị Tuyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về án phí DSST: chị Cao Hoàng Thị Tuyết T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn”, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007234 ngày 20/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS H. Đắk Mil;
- UBND xã Đắk ND' Rót;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu

